TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19**/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 14-4-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Kiêu

2. Bà Phan Thị Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc*" ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2023/QĐ-TA ngày 30/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện B, tỉnh Cà Mau; có mặt

Bị đơn: Anh Đặng Minh H1, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh H1 trên cơ sở tự nguyện yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới vào năm 2010 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang vào ngày 06/8/2018. Vợ chồng chung sống đầm ấm hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do trong cuộc sống hôn nhân xuất hiện nhiều quan điểm không hợp nhau dẫn đến bất đồng ý kiến, vợ chồng thường xuyên cự cải, hiện nay anh chị đã ly thân nhau. Nay chị H nhận thấy cuộc sống hôn nhân không

thể Hàng gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H xin ly hôn với anh H1. Về con chung: Anh chị có 02 người con chung là Đặng Gia T, giới tính nam, sinh ngày 18/7/2013 và Đặng Gia H2, giới tính nam, sinh ngày 29/9/2016, hiện hai con chung đang sống với anh H1, cuộc sống được đảm bảo. Chị H thống nhất giao 02 con chung cho anh H1 nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến Hnh tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H1 để anh trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H cũng như tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng anh H1 không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rõ lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp Hnh tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh H1; Về con chung: Giao 02 con chung tên là Đặng Gia T, sinh ngày 18/7/2013 và Đặng Gia H2, sinh ngày 29/9/2016 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và xác định không nợ ai nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đặng Minh H1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh H1.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị H xin ly hôn với anh H1 và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 kết hôn vào năm 2010, đến năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phong và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H và anh H1 chung sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải, vợ chồng chị H và anh H1 sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, trong thời gian ly thân mỗi người sống mỗi nơi, không ai tới lui thăm nhau. Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh H1. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh H1.

[4] Về con chung: Có 02 người con chung là Đặng Gia T, giới tính nam, sinh ngày 18/7/2013 và Đặng Gia H2, giới tính nam, sinh ngày 29/9/2016, hiện các con chung đang sống với anh H1, cuộc sống vẫn đảm bảo, nguyện vọng của cháu T, cháu Huy được chung sống với anh H1. Nay chị H thống nhất giao 02 con chung cho anh H1 nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, căn cứ Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu T, cháu H2 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con, chị có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị H là nguyên đơn phải chịu án phí là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại Chi cục thi Hnh án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Đặng Minh H1.

2- Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung tên Đặng Gia T, giới tính nam, sinh ngày 18/7/2013 và Đặng Gia H2, giới tính nam, sinh ngày 29/9/2016 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu T, cháu H2 hiện đang sống chung với anh H1, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con, chị H có quyền tới lui chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị H chịu 300.000 đồng tiền án phí xin ly hôn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002648 ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Vĩnh Thuận, chị H đã nộp đủ án phí.

4- Nguyên đơn chị H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh H1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự
- UBND xã Vĩnh Phong (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phượng

.